

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3753 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 03 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;*

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT ngày 23 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi

thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3282/QĐ-BNNMT ngày 17 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: 2026-2030

Căn cứ Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 01 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1326/TTr-SNNMT ngày 29/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Dân tộc và Tôn giáo, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các Bộ: NNMT, VH TTDL, TC;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- UBND TTQ Việt Nam tỉnh;
- PVPNN;
- Lưu: VT, C4, N2. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đương Mah Tiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: 2026-2030

trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

Công tác truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030 được tổ chức theo hướng thống nhất trong nhận thức và hành động, chủ động, thường xuyên, đa nền tảng, lấy người dân làm trung tâm; bảo đảm mọi đối tượng thụ hưởng, nhất là người dân ở vùng nông thôn, vùng đồng bào DTTS&MN, hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo được tiếp cận đầy đủ, kịp thời, dễ hiểu các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, mục tiêu, nhiệm vụ và kết quả thực hiện Chương trình; qua đó nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, phát huy vai trò chủ thể của người dân, khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường, thúc đẩy giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế nông thôn, bảo tồn văn hóa và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

- Xây dựng hệ thống truyền thông về Chương trình theo hướng bài bản, chuyên nghiệp, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, có chủ đề, thông điệp, nội dung trọng tâm hằng năm; kết hợp giữa truyền thông chung và truyền thông theo chuyên đề, giữa truyền thông truyền thống và truyền thông số, nhằm nâng cao nhận thức, tạo đồng thuận, thúc đẩy hành động, lan tỏa mô hình tốt, cách làm hay, quảng bá hình ảnh nông thôn Việt Nam hiện đại, bản sắc, xanh, bền vững, góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Chương trình.

- Nâng cao khả năng tiếp cận thông tin chính sách của người dân; khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường, chủ động vươn lên thoát nghèo; phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế nông thôn, kinh tế số, kinh tế xanh và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Mục tiêu cụ thể

- 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch truyền thông giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch hằng năm bám sát định hướng, chủ đề, thông điệp của Chương trình.

- Xây dựng ít nhất 01 chuyên trang, chuyên mục hoặc chuyên mục số về Chương trình trên cổng thông tin điện tử, báo, đài, ứng dụng di động chính quyền điện tử hoặc nền tảng truyền thông chính thức của địa phương; thường xuyên cập nhật thông tin, kết quả, mô hình, điển hình, khó khăn, vướng mắc và phản hồi từ cơ sở.

- Duy trì ít nhất 01 chuyên mục về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được phát sóng hàng tuần trên sóng truyền hình tỉnh và ít nhất 01 chuyên trang trên báo, đồng thời đẩy mạnh truyền thông trên các nền tảng số.

- Hằng năm tổ chức xây dựng ít nhất 01 sản phẩm truyền thông về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển sản phẩm OCOP, du lịch nông thôn, bảo vệ môi trường, chuyển đổi số, phát triển sinh kế, bảo tồn văn hóa và phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phần đầu, hàng năm tổ chức hoặc lồng ghép tổ chức ít nhất 01 cuộc thi tìm hiểu hoặc cuộc thi sáng tác báo chí, thơ, văn, ảnh, tác phẩm hội họa, trình diễn sân khấu về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Khuyến khích tham gia truyền thông quốc tế về thành tựu xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; quảng bá sản phẩm OCOP, du lịch nông thôn, làng nghề, văn hóa bản địa và mô hình phát triển nông thôn bền vững của địa phương.

- 100% các xã có ít nhất 02 tin, bài phát thanh/tuần về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên hệ thống truyền thanh cơ sở (*đặc biệt chú trọng tin, bài phát thanh bằng tiếng đồng bào đối với các địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số*).

3. Yêu cầu

a) Công tác truyền thông được thực hiện thường xuyên, liên tục, đồng bộ trong cả giai đoạn 2026 - 2030, gắn với việc triển khai Chương trình tại các cấp, các ngành và địa phương.

b) Nội dung truyền thông bám sát định hướng, chủ đề, thông điệp của Chương trình; bảo đảm chính xác, kịp thời, dễ hiểu, phù hợp với từng địa bàn và đối tượng.

c) Hình thức truyền thông đa dạng, phù hợp, kết hợp giữa truyền thông trực tiếp, báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin cơ sở và các nền tảng số; chú trọng truyền thông song ngữ tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Phát huy sự phối hợp của các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan báo chí, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, người có uy tín và cộng đồng trong công tác truyền thông.

đ) Chú trọng tuyên truyền mô hình hay, cách làm hiệu quả, điển hình tiên tiến, kết quả và tác động thực tế của Chương trình; tạo sự đồng thuận và tham gia của người dân.

e) Nội dung, nhiệm vụ truyền thông phải đúng mục tiêu, đúng đối tượng, đúng thẩm quyền; có trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lặp, dàn trải, hình thức; bảo đảm công khai, minh bạch.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện

Kế hoạch được triển khai trên phạm vi toàn tỉnh; ưu tiên các địa bàn nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Đối tượng truyền thông

Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia quản lý, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình; cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp; người dân và cộng đồng dân cư nông thôn, nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người có uy tín, già làng, trưởng thôn, nghệ nhân, thanh niên, phụ nữ; hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh, chủ thể OCOP và các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển kinh tế nông thôn, sinh kế, liên kết chuỗi giá trị; cơ quan báo chí, truyền thông, chuyên gia, nhà khoa học và các tổ chức, cá nhân tham gia tuyên truyền, quảng bá, lan tỏa kết quả, mô hình, sản phẩm của Chương trình.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030.

III. NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG

Hoạt động truyền thông cần tập trung vào những nội dung trọng tâm sau:

1. Truyền thông về chủ trương, định hướng, mục tiêu và ý nghĩa của Chương trình; thể hiện rõ đây là Chương trình MTQG có tính tổng hợp, đa mục tiêu, đa lĩnh vực, hướng đến phát triển nông thôn toàn diện, giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng sống của người dân, bảo tồn bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Truyền thông nâng cao năng lực cho cộng đồng dân cư, cán bộ cơ sở và người dân ở nông thôn về quan điểm lấy người dân làm trung tâm, cộng đồng là nền tảng, người dân là chủ thể; phát huy vai trò chủ thể của người dân và doanh nghiệp trong quá trình xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phát huy dân chủ cơ sở, tinh thần tự lực, tự cường, chủ động vươn lên, không trông chờ, ỷ lại; khơi dậy khát vọng xây dựng nông thôn hiện đại, bản sắc, xanh, bền vững và đáng sống.

3. Tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm của Chương trình giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh; trách nhiệm của các cấp, các ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện; cơ chế phân cấp, phân quyền, lồng ghép nguồn lực, huy động sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức chính trị - xã hội và người dân. Trong đó, cần nhấn mạnh chủ trương tăng cường phân cấp, phân quyền tối đa cho địa phương trên nguyên tắc “địa phương quyết - địa phương làm - địa phương chịu trách nhiệm”.

4. Tập trung truyền thông về kết quả, tác động và giá trị thực tiễn của Chương trình đối với phát triển nông thôn, giảm nghèo, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó tập trung phản ánh những chuyển biến về hạ tầng, sinh kế, thu nhập, việc làm, môi trường, văn hóa, giáo dục, y tế, dịch vụ xã hội cơ bản, hòa giải ở cơ sở và trợ giúp pháp lý, năng lực cộng đồng và chất lượng đời sống người dân, theo hướng “Nông nghiệp sinh thái - Nông thôn hiện đại - Nông dân văn minh”

5. Đẩy mạnh công tác truyền thông về phát triển kinh tế nông thôn theo hướng chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng sinh thái, xanh, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu và tích hợp đa giá trị; phát triển bền vững ngành nghề nông thôn, sản phẩm OCOP, du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa; nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp gắn với liên kết theo chuỗi giá trị; phát triển khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ; ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

6. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều, bền vững, phát triển sinh kế, đào tạo nghề, tạo việc làm, nâng cao năng lực cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; lan tỏa các mô hình thoát nghèo hiệu quả, cộng đồng giúp nhau giảm nghèo, người dân tự lực vươn lên, làm giàu chính đáng ở nông thôn, bảo đảm “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

7. Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, tri thức bản địa, vai trò của người có uy tín, già làng, trưởng bản, nghệ nhân, phụ nữ, thanh niên; gắn bảo tồn văn hóa với phát triển sinh kế, sản phẩm OCOP, du lịch cộng đồng và phát triển bền vững; phát triển thương mại biên giới, kinh tế cửa khẩu, dịch vụ logistics, kết nối chuỗi cung ứng và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm tại các địa phương vùng biên giới.

8. Nâng cao chất lượng công tác bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; phát triển nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

9. Tuyên truyền về các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến, sáng kiến của địa phương, cơ sở, cộng đồng, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ thể OCOP

và người dân trong thực hiện Chương trình; chú trọng câu chuyện người thật, việc thật, kết quả thật, có khả năng truyền cảm hứng, nhân rộng và tạo niềm tin xã hội.

10. Chú trọng truyền thông về cơ chế “địa phương quyết - địa phương làm - địa phương chịu trách nhiệm”; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn trong quá trình thực hiện Chương trình từ cơ sở; phản ánh kịp thời kiến nghị, đề xuất của địa phương, người dân, doanh nghiệp và cộng đồng để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện Chương trình.

11. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số theo hướng “dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện” trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đẩy mạnh kết nối cung cầu, tiêu thụ sản phẩm, tăng cường chuyển đổi số trong thương mại, kết nối cung - cầu nông sản, gắn với thương mại điện tử, phát trực tiếp trên nền tảng số, bán hàng trực tuyến.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; xác định công tác truyền thông là nhiệm vụ thường xuyên trong tổ chức thực hiện Chương trình. Phân công rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan; bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, thống nhất trong cung cấp, chia sẻ và truyền tải thông tin về Chương trình.

2. Đổi mới nội dung, phương thức truyền thông theo hướng thiết thực, dễ hiểu, phù hợp với từng địa bàn, nhóm đối tượng; kết hợp tuyên truyền chính sách với giới thiệu kết quả, mô hình, cách làm hay và điển hình tiên tiến trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, các nền tảng số và mạng xã hội; đa dạng hóa sản phẩm truyền thông, chú trọng hình thức trực quan, truyền thông song ngữ phù hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Củng cố, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin, tuyên truyền tại cơ sở; phát huy vai trò của người có uy tín, già làng, trưởng thôn, nghệ nhân, cán bộ đoàn thể, cộng tác viên truyền thông và các chủ thể có ảnh hưởng tích cực trong cộng đồng. Tăng cường truyền thông trực tiếp tại cộng đồng, nhất là tại vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn còn khó khăn.

5. Thiết lập và duy trì các kênh tiếp nhận, tổng hợp ý kiến, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã và cộng đồng về việc thực hiện Chương trình. Kịp thời tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết; qua đó nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và tạo sự đồng thuận trong xã hội.

6. Chủ động phát hiện, lựa chọn và xây dựng các nội dung truyền thông về mô hình hiệu quả, cách làm sáng tạo, gương điển hình tiên tiến, hộ gia đình

vươn lên thoát nghèo, mô hình phát triển sản xuất, sản phẩm OCOP, du lịch nông thôn, bảo tồn văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Chú trọng phản ánh bằng hình thức “người thật, việc thật, kết quả thật”, tạo sức lan tỏa và khả năng nhân rộng.

7. Chủ động lồng ghép các nguồn lực, chương trình, dự án và hoạt động có liên quan để thực hiện công tác truyền thông; huy động nguồn lực hợp pháp từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và cộng đồng. Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải đúng mục đích, đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả, công khai và tránh trùng lặp, dàn trải.

8. Định kỳ theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc triển khai công tác truyền thông; đánh giá mức độ tiếp cận, hiệu quả và tác động của các hình thức truyền thông đối với từng nhóm đối tượng. Kịp thời điều chỉnh nội dung, phương thức và hình thức truyền thông phù hợp với tình hình thực tế; biểu dương các tập thể, cá nhân thực hiện tốt và nhân rộng những cách làm hiệu quả

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: 2026-2030 và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao, chủ động đề xuất UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí thực hiện Chương trình, lồng ghép và sử dụng kinh phí được giao để thực hiện các hoạt động truyền thông theo quy định; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng và không trùng lặp với các nhiệm vụ, hoạt động khác.

3. Khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và cộng đồng để hỗ trợ thực hiện các hoạt động truyền thông về Chương trình.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông hằng năm phù hợp với định hướng chung của Chương trình.

- Chủ trì xây dựng nội dung, thông điệp truyền thông trọng tâm hằng năm; cung cấp, cập nhật thông tin, tài liệu về chủ trương, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả thực hiện Chương trình cho các cơ quan, đơn vị và địa phương để phục vụ công tác truyền thông.

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, cơ quan báo chí và địa phương tổ chức các hoạt động truyền thông theo nội dung Kế hoạch; chú trọng truyền thông về các mô hình, điển hình, kết quả và tác động thực tế của Chương trình.

- Chủ trì theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai công tác truyền thông về chủ trương, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ và kết quả thực hiện Chương trình liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Chủ trì cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác truyền thông về các chính sách dân tộc; kết quả thực hiện các nhiệm vụ, dự án, mô hình phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phối hợp tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số phát huy tinh thần tự lực, tự cường, tích cực tham gia thực hiện Chương trình; chú trọng phát huy vai trò của người có uy tín, già làng, trưởng thôn, nghệ nhân và các cá nhân tiêu biểu trong cộng đồng.

- Phối hợp theo dõi, nắm bắt tình hình, tổng hợp khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của đồng bào dân tộc thiểu số trong quá trình thực hiện Chương trình; định kỳ cung cấp thông tin cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo.

3. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở và các đơn vị liên quan đẩy mạnh tuyên truyền về Chương trình bằng các hình thức phù hợp; bảo đảm nội dung thông tin chính xác, kịp thời, thiết thực.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tin, bài, sản phẩm truyền thông và tổ chức các hoạt động truyền thông, sự kiện, hội thi, triển lãm, tọa đàm về Chương trình.

- Chú trọng tuyên truyền, quảng bá các mô hình, điển hình tiên tiến, sản phẩm OCOP, du lịch nông thôn, văn hóa bản địa và những kết quả nổi bật trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các nền tảng số trong công tác truyền thông về Chương trình.

- Hướng dẫn, hỗ trợ khai thác các nền tảng số, phương thức truyền thông hiện đại, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; góp phần nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của người dân.

5. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các hoạt động truyền thông theo quy định và khả năng cân đối ngân sách.

- Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện công tác truyền thông theo quy định hiện hành.

6. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Phối hợp thực hiện tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác; phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan truyền thông để cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, giúp người dân tiếp cận và sử dụng hiệu quả các chính sách tín dụng.

7. Đề nghị các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị của tỉnh

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch, chủ động tổ chức các hoạt động truyền thông thuộc lĩnh vực phụ trách; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong cung cấp thông tin, xây dựng nội dung và triển khai các hoạt động truyền thông chung của tỉnh.

- Lồng ghép công tác truyền thông với việc triển khai các chương trình, đề án, nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm thống nhất về nội dung, thông điệp và không trùng lặp, dàn trải.

- Phối hợp kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ cung cấp thông tin, kết quả thực hiện các hoạt động truyền thông thuộc lĩnh vực phụ trách cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp.

8. Báo và phát thanh, truyền hình Gia Lai

Chủ động xây dựng chuyên trang, chuyên mục, tin, bài, phóng sự, chương trình phát thanh, truyền hình và các sản phẩm truyền thông số về Chương trình; chú trọng phản ánh kết quả, mô hình, cách làm hay, điển hình tiên tiến và những vấn đề thực tiễn từ cơ sở; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời, thiết thực.

9. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông hằng năm trên địa bàn phù hợp với Kế hoạch của tỉnh, đặc điểm kinh tế - xã hội, văn hóa, dân cư và nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân.

- Tổ chức tuyên truyền thường xuyên về chủ trương, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ và kết quả thực hiện Chương trình; ưu tiên các hình thức truyền thông trực tiếp, hệ thống truyền thanh cơ sở và các nền tảng số phù hợp với điều kiện địa phương.

- Chủ động cung cấp, cập nhật thông tin về mô hình, điển hình, kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị của người dân, cộng đồng, doanh nghiệp, hợp tác xã để phục vụ công tác truyền thông và chỉ đạo, điều hành.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, người có uy tín, già làng, trưởng thôn, nghệ nhân và các lực lượng tại cộng đồng trong tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện Chương trình.

- Bố trí, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực thực hiện công tác truyền thông theo quy định; tổ chức kiểm tra, đánh giá và kịp thời biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác truyền thông.

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

- Phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Chương trình; phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân và vai trò giám sát của cộng đồng trong việc thực hiện các chính sách, nhiệm vụ của Chương trình.

- Tăng cường vận động doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và cộng đồng tham gia đóng góp, hỗ trợ nguồn lực thực hiện Chương trình; tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng các mô hình hiệu quả, cách làm hay, sáng kiến thiết thực trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phối hợp nắm tình hình, thu thập, tổng hợp và phản ánh kịp thời ý kiến, kiến nghị, tâm tư, nguyện vọng chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình; đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định./.

